TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3 - 2023
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn; nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bằng;

- Ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Trần Chí Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2023/TLST- HNGĐ ngày 10/02/2023 về "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn; nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HN ngày 13/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1991, nơi cư trú: Số 9, đường Ven Bãi, tổ 1, khóm C6, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang;

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1997, nơi cư trú: Số 9, đường Ven Bãi, khóm C6, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Văn H trình bày:

Ông và bà M do M mối nên đã tự tìm hiểu yêu thương nhau và có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang số 42, cấp ngày 24/5/2016. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống

hạnh phúc, về sau vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm cũng như cuộc sống hằng ngày do bà M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nay ông H thấy hạnh phúc gia đình không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung, ông H và bà M có 02 con chung tên Bùi Thị Anh Thư, sinh ngày 20/10/2016 và Bùi Thị Diệu Anh, sinh ngày 27/9/2018. Ông H yêu cầu được nuôi dạy các con chung và không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung ông H bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, bà thống nhất vợ chồng có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do không thống nhất về quan điểm nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Về con chung, bà M thống nhất với ông H về có 02 con chung tên Bùi Thị Anh Thư, sinh ngày 20/10/2016 và Bùi Thị Diệu Anh, sinh ngày 27/9/2018 như ông H trình bày. Tuy nhiên 02 con chung là con gái do bà nuôi từ nhỏ đến nay, bà không đồng ý giao con cho ông H nuôi dạy. Mặc khác cháu Anh Thư đã lớn nhưng không đồng ý sống chung với ông H. Bà M yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, bà M thống nhất với ông H trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải giữa các đương sự. Ông H, bà M thống nhất thuận tình ly hôn; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên về nuôi con chung thì không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, ông H bà M có đăng ký kết hôn nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nay ông H yêu cầu ly hôn được bà M đồng ý nên chấp nH yêu cầu ly hôn của ông H theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, ông H, bà M có 02 con chung Bùi Thị Anh Thư, sinh ngày 20/10/2016 và Bùi Thị Diệu Anh, sinh ngày 27/9/2018. Hiện các con đang sống chung với bà M. Bà M có thu nhập ổn định, nuôi con từ nhỏ đến nay. Cháu Anh Thư có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, việc giao con chung cho bà M nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Thư. Bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nH sự tự nguyện của bà M.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà M không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố K. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang số 42, cấp ngày 24/5/2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông H, bà M đã không còn sống chung với nhau. Ông H ly hôn được bà M đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nH ly hôn của ông H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về con chung: Ông H, bà M có 02 con chung Bùi Thị Anh Thư, sinh ngày 20/10/2016 và Bùi Thị Diệu Anh, sinh ngày 27/9/2018. Hiện các cháu đang sống chung với bà M; cháu Anh Thư có nguyện vọng được sống với mẹ và đang đi học lớp 1A, Trường Tiểu học Vĩnh Lộc. Bà M thu nhập ổn định với nghề làm móng, thẩm mỹ thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng và không phải mất chi phí nhà trọ; ông H thu nhập mỗi tháng 6.500.000 đồng, thuê nhà trọ mỗi tháng 1.000.000 đồng, ở riêng với cha mẹ. Xét điều kiện để nuôi dạy, chăm

sóc các con thì thấy bà M đủ điều kiện để nuôi dạy các con; các cháu là con gái đã sống với mẹ từ nhỏ sống, nếu bây giờ thay đổi chỗ ở sẽ thay đổi cuộc sống của các cháu, làm ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của các cháu. Vì vậy, việc giao con chung cho bà M nuôi dạy là đảm bảo cho con được sinh sống, học tập tốt hơn về vật chất lẫn tinh thần và phù hợp nguyện vọng của cháu Thư nên Hội đồng xét xử chấp nH giao 02 con chung cho bà M nuôi dạy. Bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

Bà M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Giấy chứng nH kết hôn số 42 ngày 24/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc M được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung Bùi Thị Anh Thư, sinh ngày 20/10/2016 và Bùi Thị Diệu Anh, sinh ngày 27/9/2018 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Bùi Văn H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Bùi Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003053 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; ông H đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H, bà M có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nH:
- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương